

TIN-TỨC DANH-TỪ

Trong công-việc soạn-thảo danh-từ, ỦY - BAN QUỐC-GIA SOẠN-THẢO DANH-TỪ CHUYÊN-MÔN nhiều khi phải chọn-lựa giữa nhiều danh-từ gần nghĩa. Lý-do quyết-định trong sự chọn-lựa của Ủy-Ban có thể không hiển-nhiên, nhưng bao giờ cũng đã được cân-nhắc kỹ-lưỡng và căn-cứ trên mục-đích tìm những danh-từ sát nghĩa và tương-ứng với mỗi danh-từ ngoại-quốc. Tỉ-dụ :

Décomposition	sự phân-tích, phân-hóa
Désagrégation	sự tan-rã
Dégradation	sự giáng-cấp
Désintégration	sự hủy-biến
Destruction	sự phá-hủy
Fission	sự phân-hạch

Mục « Tin-Tức Danh-Từ » này được thiết-lập để giới thiệu cùng độc-giả một số danh-từ đáng chú-ý đã được Ủy-Ban chọn-lựa cũng như lý-do của sự chọn-lựa.

Ước mong rằng việc làm này sẽ đưa tới sự góp ý-kiến của quý vị học-giả để cải thiện danh-từ khi cần cải-thiện và khi danh-từ đã được chọn-lựa chính-xác, để danh-từ được phổ-biến và thống-nhất.

Bài 5 DANH-TỪ THỰC-VẬT

Những danh-từ Thực-Vật sau đây đã được Ủy-Ban thảo-luận cặn-kẻ ; người ghi lại là thư-ký buổi họp. Mục-đích là để quý vị độc-giả theo dõi một phần các cuộc thảo-luận của Ủy-Ban. Tuy nhiên Ủy-Ban thảo-luận mười, người ghi chỉ ghi lại được một ; nếu có chỗ nào không được rõ ràng là do lỗi người ghi không thể ghi lại được hết ý của Ủy-Ban.

ACROCARPE. Được đề-nghị là *thu-đỉnh*, chỉ những loại rêu mang noãn-cơ ở ngọn thân hay ngọn nhánh.

Ủy-Ban, theo từ-nguyên, dịch ;

Acrocarpe *Đỉnh-quả*

(*Acro* : *đỉnh* ; *Carpe* : *quả*)

Và do đó các danh-từ khởi đầu bằng tiếp-đầu-ngữ *acro-* được dịch như sau :

<i>Acrocentrique</i>	<i>Đỉnh-tâm</i>
<i>Acrodrome</i>	<i>Đỉnh-tiến</i>
<i>Nervation acrodrome</i>	<i>Bộ gân đỉnh-tiến</i>
<i>Acrogamie</i>	<i>Sự đỉnh-phối</i>
<i>Acrogène</i>	<i>Đỉnh-sinh</i>
<i>Acrogyne</i>	<i>Đỉnh-thư</i>
<i>Aeronématé</i>	<i>Đỉnh-mao, lóng</i>
<i>Acropète</i>	<i>Hướng-đỉnh</i>
<i>Acrosome</i>	<i>Đỉnh-thê</i>

Riêng danh-từ *acronématé* dùng để chỉ những chiên-mao không mang những lông nhỏ nên ngoài danh-từ *đỉnh-mao*, dịch theo từ-nguyên, Ủy-Ban chấp-thuận chưa thêm nghĩa *lóng* đã được dùng từ lâu.

Acronématé *Đỉnh-mao, lóng*

ACTION RÉMANENTE. Được đề-nghị dịch là *tác-động cách-thì, tác-động tàn-lưu*.

Ví dụ : trường-hợp những cây mọc trong tối, khi được chiếu sáng một bên thì sau khi không được chiếu sáng nữa, cây vẫn tiếp-

tục mọc một thời-gian về phía nguồn sáng. Tiếng tàn có nghĩa là còn dư lại.

Ủy-Ban chấp-thuận dịch như trên,

ADNÉ. là khi nào một cơ-quan nẩy dính vào một cơ-quan khác.

Ủy-Ban chấp-thuận chữ *dị-liên*.

ADVENTIF. Được đề-nghị dịch là *bất-định*. Chỉ những loại rễ cây mọc ở những vị-trí không phải vị-trí thông-thường, như ở thân, ở lá v.v..

Ủy-Ban dịch :

Adventif

Sát-vị, mọc-phụ

AECIDIE. Được Ủy-Ban dịch là *tú-bào-cơ*.

Tiếng *tú* có nghĩa là *sét rỉ*, chỉ một loại Nấm thường tạo ra một thứ bột màu hung-hung đỏ như màu sét.

ACCLIMATATION. Trong khi duyệt danh-từ *acclimation*, Ủy-Ban cũng đã thảo-luận đến hai danh-từ gần nghĩa là *Adaptation* và *accommodation*.

Danh-từ *accommodation* được đề-nghị dịch là *điều-tiết*, danh-từ này trong Thực-vật-học để chỉ sự biến-đổi của thực-vật theo khí-hậu : một giống cây sống ở đồng bằng nếu đem lên trồng ở núi cao sẽ chịu những sự biến-đổi như nhỏ lại, hoa màu sặc-sỡ v.v.. nhưng nếu đem hạt của cây này trồng lại vùng đồng-bằng thì cây sẽ phát-triển bình-thường trở lại.

Ủy-Ban dịch :

Acclimation

Sự khí-hậu thuần-hóa,

Sự phong-thờ thuần-hóa

Accommodation

Sự điều-tiết

Adaptation

Sự thích-nghĩ, sự thích-ứng

Trong dịp này Ủy-Ban cũng đã bàn đến hai danh-từ *phong-thồ* và *khí-hậu*. Ủy-Ban nhận thấy danh-từ *phong-thồ* đã có rất lâu và đồng-nghĩa với danh-từ *khí-hậu* mới có sau này ; và lại tiếng *thồ* trong danh-từ *phong-thồ* không có nghĩa là *loại đất* mà chỉ về *nơi chốn*. Ngoài ra danh-từ *phong-thồ* cũng còn có nghĩa *dân-phong thồ-tục*.

ACHLAMYDÉ. Được đề-nghị dịch là *vô-cánh, không-cánh*.

Ủy-Ban đã bàn đến các danh-từ cùng nhóm như *apérianthé, apétale, asépale*. Danh-từ *achlamydé* (do tiếng *klamus : tunique*) chỉ những hoa *không có bao hoa*.

Ủy-Ban dịch :

<i>Achlamydé</i>	<i>Vô-bị</i>
<i>Achlamydées</i>	<i>Nhóm Vô-bị</i>
<i>Apérianthé</i>	<i>Vô-bao-nhụy</i>
<i>Apétale</i>	<i>Vô-tràng</i>
<i>Asépale</i>	<i>Vô-đài</i>

ACHROMATIQUE. Danh-từ này đã được dịch là *tiêu-sắc* (Vật-lý) và *vô-sắc* (Thực-vật).

Đề thông-nhất Ủy-Ban dịch :

<i>Achromatique</i>	<i>Vô-sắc</i>
<i>Incolore</i>	<i>Không màu</i>
<i>Achromique</i>	<i>Vô-sắc</i>

ACICULAIRE. Được đề-nghị là *hình-kìm, châm-dạng*.

Vì tiếng *dạng* được dùng để dịch tiếp-vĩ-ngữ *-oïde*, nên Ủy-Ban dịch :

<i>Aciculatre</i>	<i>Hình-kìm, châm-hình</i>
-------------------	----------------------------

ACONITUM. Được đề-nghị dịch là giống *Aconitum*, giống *Phụ-tử*.

Cây *Ô-đầu* là một giống cây có củ hình đầu quạ nên gọi là *Ô-đầu*, củ này thường mang thêm một nhánh phụ nên gọi là *phụ-tử*, khi già *ô-đầu* có thể khô héo đi và được thay thế bởi *phụ-tử*.

Theo Từ-Hải, năm thứ nhất củ *ô-đầu* được gọi là *trắc-tử*, năm thứ hai là *ô-chuế*, năm thứ ba là *phụ - tử*, năm thứ tư là *ô-đầu* và năm thứ năm là *thiên-hùng*.

Ủy-Ban dịch:

Aconitum

Giống *Aconitum*, giống *Ô-đầu*,
giống *Ô-đầu phụ-tử*.

ALISMACEES. Được chấp-thuận dịch là họ *Alismaceae*, họ *Từ-cô*.

Trong Từ-Hải, *Alismacées* được gọi là *Trạch-tả-khoa*.

ALLÉLOSITISME. Tiếp-đầu-ngữ *allélo-* được Ủy-Ban dịch là *trương-* và do đó *allélositisme* được Ủy-Ban dịch là *trương-ký-sinh*.

ALLIANCE: Được Ủy-Ban dịch là *đồng-minh*, những danh-từ gần nghĩa được Ủy-Ban dịch :

Association

Hội-đoàn

Associer

Liên-kết

Conjuguer

Tương-liên (Toán, Lý)

Tiếp-hợp (Sinh-học)

Tiếp-cách (Hóa)

Corrélation

Tương-hệ, tương-quan

Mutuel

Hỗ-tương

*Rapport**Tương-quan**Réciproque**Tương-giao**Union**Liên-hiệp, hợp-nhất, hội (Toán)*

ALÈNE. Tiêu-ban Thực-vật dịch là *hình dùi*. GS. Lê-Ngọc-Trụ lưu ý tiếng *giùt* ở đây viết với *gi* vì có hình nhọn đầu, khác với *dùi* viết với *d* để chỉ dùi chiêng, dùi trống v.v...

GS. Bùi-Xuân-Bào cho biết : *Alène* phải viết với dấu mũ (*alène*) chứ không phải với dấu huyền (*alène*). Theo Dictionnaire Française của Robert : *Alène*, n. f. : *Poinçon effilé servant à percer les cuirs*.

FILET EN ALÈNE. Được Ủy-Ban dịch là *tua nhụy, tua nhụy hình giút*.

Tiếng *nhụy* và *nhị* có giá-trị như nhau.

ALGOCÉCIDIE, f. Tiêu-ban Thực-vật đề-nghị dịch là *nốt rong*. Vì tiếng *nốt* rất tổng-quát, nghĩa chưa được rõ, Ủy-Ban nêu lên những danh-từ *mọt, gહે, mun*. Sau cùng Ủy-Ban quyết-định dịch :

*Algocécidie,**Mụn rong*

và dịch tiếp-vi-ngữ :

*Cécidie**Mụn*

ALLOGAMIE. Được đề-nghị là *sự dị-thụ-phấn*, chỉ hiện-tượng phân hoa của một cây này rơi trên nhụy cái của hoa một cây khác.

Trong dịp này Ủy-Ban đã thảo-luận đến các tiếp-đầu-ngữ kê sau và chấp-thuận dịch :

*Iso-**Đẳng*

<i>Aniso-</i>	Bất-đẳng
<i>Hétéro-</i>	Dị
<i>Homo-</i>	Đồng
<i>Allo-</i>	Tạp, tha, thù, dị

Danh-từ *allogamie* do hai tiếng *allo-* và *gamos* hợp lại nên được Ủy-Ban dịch :

<i>Allogamie</i>	Sự tha-phối
------------------	-------------

Danh-từ *dị-phối* được dành dịch tiếng *hétérogamie*.

ALLUVION. Được Ủy-Ban dịch là *phù-sa*, chi đất do sông mang từ nơi khác đến.

Danh-từ *châu-thô* dành để dịch danh-từ *terrains alluviaux* (*châu* : bãi đất giữa sông), và *tam-giác-châu* cho tiếng *delta*.

ALPAGE, ALPESTRE và ALPIN. Ba danh-từ này bắt nguồn từ danh-từ *Alpes*, chỉ dãy núi *Alpes* ở Âu-Châu. Tuy-nhiên các danh-từ này hiện được dùng với nghĩa rộng để chỉ những vùng núi cao trên thế giới, nên Ủy-Ban quyết-định bỏ tiếng *alpes* trong danh-từ Việt và dịch :

<i>Alpage</i>	Cao-mục-trường
<i>Alpestre</i>	Thuộc vùng trung-son
<i>Alpin</i>	Thuộc <i>alpes</i> , thuộc vùng cao-son

AMARYLLIDACÉES. Được đề-nghị dịch : họ *Lan-huệ*. Để tránh sự hiểu lầm với hai họ *Lan* và họ *Huệ*, Ủy-Ban dịch :

<i>Amaryllidacées</i>	Họ <i>Amaryllidaceae</i> , họ <i>Huệ</i>
-----------------------	------------------------------------------

INNOVER và RÉNOVER. Danh-từ *renovation* đã được dịch

là *canh-tân*, Ủy-Ban sửa lại là *phục-tân*. Danh-từ *canh-tân* dành cho danh-từ *innovation*.

Rénover

Phục-tân

Innover

Canh-tân

AMITOSE. Thường được dịch là *sự trực-phân*.

Theo từ-nguyên *amitose* do tiếp-đầu-ngữ *a-* : vô và *mitos* : sợ, chỉ sự phân nhân không có sự thành-lập các nhiệm-thê.

Ủy-Ban dịch :

Amitose

Vô-ty-phân

Danh-từ *mitose* được dịch *ty-phân*. (Danh-từ *trực-phân* nên dành để dịch *division directe*)

AMPHIGASTRE. Được dịch là *lá-bụng*. Danh-từ này chỉ những phụ-bộ giống như lá, ở loài rêu.

Ủy-Ban dịch :

Amphigastre

Hoàn-phúc-diệp

(*Amphi* : Hoàn ; *Gastre* : Phúc)

ANTHOCARPE. Được đề-nghị dịch là *liên-đật-quả*. Danh-từ này chỉ những loại quả gồm cả một phần của bao-hoa biến thành: ví-dụ như quả mít.

Ủy-Ban dịch :

Anthocarpe

Lưu-hoa-quả

ANTHROPOGÈNE. Được đề-nghị dịch là *do người* ; vì tiếp-Vi-ngữ-gène đã được dịch là *-sinh*, nên Ủy-Ban dịch:

Athropogène

Nhân-sinh

ANTHROPOPHILE. Được đề-nghị dịch là *nhân-môi*, chỉ những loại thực-vật chỉ sống ở những nơi có loài người. Và lại danh-từ *nhân-môi* đã được thông-dụng để chỉ sự thụ-phẩm nhân-tạo, nên Ủy-Ban dịch :

Anthrophophile *Nhân-thân*

ANTICLINAL. Trong danh-từ Địa-lý đã được Ủy-Ban dịch là *bột-tà*. Vì vậy các danh-từ sau đây được Ủy-Ban dịch :

Division anticlinale *Phân-liệt bột-tà*

Anticlines *Vách bột-tà*

ANADROME và ANTIDROME. Danh-từ *anadrome* trước đây đã được dịch là *ngịch-triền*, *ngịch-du*, chỉ những loại cá bơi ngược dòng sông để trở về nguồn.

Ủy-Ban dịch :

Anadrome *Tổ-du*

(*Tổ* : Đi ngược dòng-sông ; *Du* : Bơi)

ANTIPODE. Đã được dịch là *đối-cầu*, chỉ những tế-bào trong túi-phôi đối-túc với noãn-cầu. Vì danh-từ *antipode* do các tiếng *anti-* : đối và *podos* : túc hợp lại nên Ủy-Ban dịch :

Antipodes *Đối-túc-bào*

APPOSITION. Giáo-sư Hộ cho biết trong thực-vật-học, tiếng này chỉ sự đắp thêm một lớp vào vách tế-bào, giống như hình ảnh khi vách đã xây xong được tô thêm một lớp hồ, vì vậy Ủy-Ban dịch :

Appositon *Sự tô thêm*

AQUICULTURE và AQUICOLE. Ủy-Ban đã dịch hai tiếng này như sau :

Aquiculture

Thủy-canh

Aquicole

(Thuộc) *thủy-canh, thủy-sinh*

GLANDE AQUIFÈRE. Tiểu-ban Thực-vật dịch là *tuyến chứa nước*. Ủy-Ban nhận thấy tiếng *glande* trong Thực-vật đã quen dịch là *tuyến* và *glande aquifère* có nhiệm-vụ là tiết nước chứ không phải chứa nước.

Ủy-Ban dịch :

Glande aquifère

Tuyến tiết nước

ARANÉÉUX. Tiểu-ban Thực-vật dịch là *có lông mạng-nhện*,

Ủy-Ban, bỏ chữ *mạng nhện* ; *aranéoux* chỉ lông giống tơ nhện, chứ không phải giống mạng nhện. Ủy-Ban có nghĩ đến chữ *thù-dạng* (thù là con nhện) nhưng sợ nhầm với hình con nhện, nên cuối-cùng đã dịch :

Aranéoux

Có lông tơ nhện

ARBORICULTURE. Được dịch là *khoa trồng cây ăn trái* một danh-từ được đề-nghị là *đại-mộc canh*. GS. Toàn cho biết chữ *canh* , nguyên nghĩa là *cày ruộng*, và thường để chỉ những sự trồng-trọt các thứ cây nhỏ. Giáo-sư cũng cho biết các tiếng *thụ* và *thực* có nghĩa là *trồng cây*, có lẽ sát ý hơn. Ủy-Ban ngại các tiếng này lạ với sinh viên. Sau cùng Ủy-Ban nhận thấy rằng tiếng *canh* nay được dùng một cách phổ-thông với nghĩa trồng trọt (luân-canh, hưu-canh. . .) nên chấp-thuận :

Arboriculture

Mộc-canh, khoa trồng cây

ARBRISSEAU. Được dịch là *trung-mộc*. Ủy-Ban bỏ tiếng này và dịch là *tùng-mộc, cây bụi*. Ủy-Ban cũng lưu ý tiếng *cây*

bui (*arbrisseau*) khác với tiếng *bụi cây* (*buisson*).

ARE. Được dịch là *sào* (100 m²). Ủy-Ban dịch là *sào tấy* để phân biệt với *sào ta* chỉ đo 360 m².

ARRIÈRE-MANGROVE. Ủy-Ban dịch là *sau-ràng-sác*.

GS. Truỵ lưu ý chữ *sác*, *sác* là một thứ cây mọc ở bãi nước mặn, viết với *c*, chứ không phải *t* như vẫn viết lầm lâu nay.

ARBORICULTURE. Danh-từ này đã được đề-nghị dịch là *mộc-canh*, *khoa trồng cây*.

Theo sự giải-thích của GS. Nghiêm-Toàn, tiếng Hán-Việt có rất nhiều tiếng để chỉ sự trồng cây như các tiếng *chủng*, *thực nghệ*, *tài*. . . còn tiếng *canh* thì chỉ sự *cày-bừa*, do đó G.S. đề-nghị Ủy-Ban tìm một danh-từ khác thích-hợp hơn.

Theo sự giải-thích của GS. Ngân, ngày nay tại các nước tân tiến, người ta cũng xữ-dụng máy cày trong việc trồng các cây to. Ủy-Ban nhận xét tiếng *canh* ở xứ ta đã quá thông-dụng với nghĩa *cày-bừa* để trồng lúa nên Ủy-Ban đã chấp-thuận sửa lại :

Arboriculture *Khoa trồng cây*

ASSISE. Ủy-Ban đã chấp-thuận dịch các danh-từ gần nghĩa với tiếng *assise* như sau :

Assise *Tòa tầng*

Bande *Dải*

Couche *Lớp*

Etage *Tầng*

Horizon *Bình-tuyến*

Lit *Lòng, lớp*

Strate

Địa-tầng, Sinh-tầng, Lăn (Quang)

Zone

Vùng

ASPHYXIE. Được đề-nghị dịch là *ngộp, ngạt*

Ủy-Ban dịch *asphyxie* là *ngạt*, tiếng *ngộp* dành chỉ trường-hợp không thở được vì rơi xuống nước.

ATROPE. Được dịch là *đảo-hướng*

Ủy-Ban đã chấp-thuận dịch các danh-từ cùng nhóm như sau :

*Anatropé**Đảo-hướng**Atropé**Phi-hướng**Campylotropé**Khúc-hướng**Épitropé**Thượng-hướng**Hypotropé**Hạ-hướng**Orthotropé**Trực-hướng**Semi-anatropé**Bán-đảo-hướng*

AUTONOME. Được đề-nghị dịch là *tự-lập*

Danh-từ *autonome* do hai tiếng *auto* và *nomos* (*luật-lệ*) hợp lại và thường được dịch là *tự-trị*. Tuy-nhiên, trong Thực-vật-học dịch là *tự-lập* sát nghĩa hơn.

Ủy-Ban dịch

*Autonome**Tự-trị, tự-lập*

AVIRULENT. Được đề-nghị dịch là *không độc*

Ủy-Ban dịch :

*Virulent**Cường-độc*

Avirulent Vô-cường-độc

AXIAL. Và những danh-từ gần nghĩa được dịch như sau :

Axial Thuộc trục

Axile Thành trục, trục

Axillaire Ở nách

AVRAINVILLEA. Được đề-nghị dịch là giống Rong-cọ và *Azolla* là giống Bèo dậu.

Ủy-Ban nhận thấy các tiếng Rong và Bèo là những danh-từ thông dụng để chỉ một nhóm thực-vật có đặc-tính giống nhau vì vậy sẽ không viết hoa các tiếng Rong, Bèo ; Ủy-Ban sửa lại như sau :

Avrainvillea Giống rong Cọ

Azolla Giống bèo Dấu

TIN-TỨC DANH-TỪ NGUYÊN-TỬ-NĂNG

TIÊU-BAN NGUYÊN-TỬ-NĂNG

Trong mục « Tin-Tức Danh-Từ » kỳ này chúng tôi giới thiệu một số những danh-từ nguyên-tử thuộc văn B đã được Ủy-Ban thảo-luận và chấp-thuận. Ngoài ra những kỳ họp thảo-luận danh-từ văn B, Ủy - Ban cũng có dịp đưa ra thảo - luận một số những danh - từ liên-hệ không thuộc văn B, và chúng tôi cũng xin sao-lục đề phổ-biến sau đây :

BAIN, m.

Trong danh-từ vật-lý đã được dịch là *nước thuốc*, *nước tắm*. Ủy-Ban dịch lại là *nước tắm*, *sự tắm*, bỏ danh-từ *nước thuốc* vì thiếu chính-xác. Ủy-Ban cũng phân-biệt :

Bain-marie : *tắm nước*

Chauffage au bain-marie : *đun cách thủy*

BALANCE, f.

Đã được đề-nghị dịch là *cái cân* và *tổng-kê*. Ủy-Ban nhận thấy danh-từ *tổng-kê* không được đúng lắm vì thiếu nghĩa *quán-bình*, nên dành danh-từ *tổng-kê* để dịch tiếng *bilan*. Ủy-Ban dịch lại tiếng *balance* là *cán-cân* (như *cán-cân chi-phó*).

BALLON RADIOSONDE.

Được đề-nghị dịch là *thám-cầu vô-tuyến*. Ủy-Ban nhận-xét hai chữ *vô-tuyến* không được chính-xác vì lẽ người xưa căn-cứ vào sự không dùng dây dẫn điện, nếu nay vẫn dịch *radio* là *vô-tuyến* thì danh-từ thiếu tính-cách khoa-học. Sau khi thảo-luận, Ủy-Ban chấp-thuận dịch *radio* là *xạ*, và *ballon radioponde* là *xạ-thám-cầu*.

BANLE NORMALE.

Đã được đề-nghị dịch là *dải nền*.

Tuy rằng dịch theo nghĩa thì danh-từ *dải nền* rất đúng nghĩa của *bande normale* nhưng dựa trên nguyên-tắc *ưu-tiên* dịch từ-nguyên, Ủy-ban đồng ý dịch *bande normale* là *dải bình-thường*, đồng thời phân-biệt :

normal : *bình-thường*

ordinaire : *thông-thường*

BARRE DE CONTRÔLE FIN.

Tiếng *fin* được đề-nghị dịch là *thanh*, nhưng Ủy-Ban nhận thấy nghĩa của tiếng *thanh* không được sát, nên dịch lại

là *tin-h-tế* ; *barre de contrôle fin* sẽ được dịch là *thanh kiểm-soát tin-h-tế*.

PÉNÉTRATION DE LA

BARRIÈRE.

Đã được đề-nghị dịch là *sự xuyên rào*. Ủy-Ban nhận thấy nên dùng tiếng *xuyên* để dịch *traverser*, và dịch *pénétrer* là *thấu-nhập*. *Pénétration de la barrière* sẽ được dịch là *sự thấu-nhập rào* hay *độ thấu-nhập rào*.

BARRIÈRE POREUSE.

Poreux dịch là *tế-không*. *Barrière poreuse* sẽ được dịch là *rào tế-không*, thay vì những danh-từ *màng chắn lỗ*, *màng xốp* mà trước đây vẫn dùng.

BASSE FRÉQUENCE.

Tên-trọng nguyên - tác dùng tiếng *nôm*, Ủy-Ban dịch *basse fréquence* là *tần-số thấp* nhưng vẫn giữ danh-từ *hạ-tần* đã được thông-dụng. Danh-từ *cao-tần* đã được dùng để dịch *haute fréquence*, do đó lẽ ra phải dùng danh-từ *đê-tần* để dịch *basse fréquence*, vì *đê* đối với *cao*, cũng như *hạ* đối với *thượng*, tuy nhiên tiếng *đê* xưa nay chưa được sử-dụng quen thuộc, nên Ủy-Ban chấp-thuận như trên.

BATTERIE D'ACCUMULATEUR.

Danh-từ *accumulateur* trước đây đã được dịch là *bình điện-lích*, nhưng nay

điện-tích đã được dùng để dịch danh-từ *charge électrique*, vì vậy Ủy-Ban sửa lại là *bình tích-điện*.

BÉTON PRÉCONTRAIT.

Được dịch là *bê-tông tiền-áp*. Theo nguyên-tắc phiên-âm thì lẽ ra dịch là *beton*, tuy nhiên chữ *bê-tông* đã được thông-dụng. Ngoài ra Ủy-Ban cũng lưu-ý là nguyên-tắc ghép một danh-từ kép đã được chấp-nhận, nên cũng có thể dùng danh-từ *tiền-ép* thay cho *tiền-áp*.

BÉTATOPIQUE, a.

Được đề-nghị dịch là *beta-dị-vị*. Tuy nhiên Ủy-Ban thấy rằng danh-từ *bétatopique* gồm chữ *béta* (chỉ sự hủy-biến *béta*) và *topique* : *vị*, nên chấp-thuận dịch là *beta-vị*.

JAUGE BÉTA.

Tiếng *jauge* đã được ông Hoàng-xuân-Hãn dịch là *cái tho-chùng*. Ủy-Ban thấy rằng *tho* chỉ một đơn-vị đo lường ở địa-phương Ông Hãn, còn tiếng *chùng* vừa có nghĩa mơ-hồ, gần đúng, vừa có nghĩa chính-xác như *chùng* nào, *chùng mực*, có tính cách như một trạng-từ, nên Ủy-Ban đồng ý dịch như sau :

Jauge, m *cái tho*

Jauger, v *tho-chùng*

Do đó *jauge bêta* được dịch là *cái tho bê-ta*.

BLINDAGE, m.

Được đề-nghị dịch là *lớp bọc cản-xạ* theo nghĩa trong nguyên-tử học. Tuy nhiên danh-từ *blindage* đã được dịch trong vật-lý là *bọc-giáp*, nên Ủy-Ban thấy nên dùng chữ có sẵn là *bọc-giáp* để danh-từ được thông-nhất, không cần-thiết phải dịch một danh-từ cho mỗi môn khác nhau. Ngoài ra, *blindage* có thể có nghĩa là sự *bọc-giáp* hoặc *cái bọc-giáp*.

Ủy-Ban chấp-thuận chỉ dịch là *bọc-giáp*, rồi tùy theo trường-hợp sử-dụng thêm sự hoặc *cái*.

BLOC MODÉRATEUR.

Được đề-nghị là *khối giảm-hoạt*. Ủy-Ban nhận xét *giảm-hoạt* là *désactiver*, và nên dùng danh-từ *tiết-chế* để dịch *modérer*. Do đó *bloc modérateur* sẽ được dịch là *khối tiết-chế*.

DÉTECTEUR AU BORE.

Được đề-nghị dịch là *ống dò dùng bor*. Ủy-Ban thấy tiếng *dò* đã dùng để dịch tiếng *sonder*. Tiếng *délecter* chỉ có nghĩa *phát giác* ra vật mình muốn tìm, và gần đồng nghĩa với *découvrir*. Do đó Ủy-Ban chấp-thuận dịch như sau :

Délecteur : *máy phát-giác, máy thám-giác*

Các danh từ gần nghĩa với *déceler* :

<i>Déceler</i>	phát-giác
<i>Découvrir</i>	tìm thấy, phát - kiến, khám-phá
<i>Révéler</i>	phát-hiện, hiện-lộ
<i>Dévoiler</i>	phát-lộ

BRAS DE PANTOGRAPHIE.

Đã được dịch là *cánh-tay sao-đồ*. Tuy nhiên trước đây Ủy-Ban đã chấp-thuận dịch các tiếp-vĩ-ngữ như sau :

-graphie	-ký
-mètre	-kế
-gramme	-đồ

Do đó *bras de pantographe* được dịch lại là *cánh-tay sao-đồ-ký*.

PARTICULE, CORPUSCULE

Trước đây Ủy-Ban đã dịch *particule* là *tiểu-phần* và *corpuscule* là *tiểu-thê*. Vì lẽ tiếng *tiểu* có tính cách tổng-quát quá, nên Ủy-Ban thảo-luận thay bằng tiếng *tế* (微) để chỉ vật rất nhỏ, hoặc tiếng *vi* (細) để chỉ vật quá nhỏ không nhìn thấy được.

Ủy-Ban đã chọn các danh-từ sau :

<i>Particule</i>	vi-phần
<i>Corpuscule</i>	vi-thê

MUTATION, TRANSMUTATION. Đã được dịch, theo thứ-tự, là đột-
 biến và biến-dịch. Danh-từ đột-biến rất
 đúng cho khoa sinh-lý-học, nhưng
 không đúng hẳn trong các khoa-học
 khác vì có những biến-đổi chậm-chạp
 hơn cũng gọi là *mutation*. Ủy-ban
 dịch lại như sau :

<i>Mutation</i>	Dịch-hóa
<i>Transmutation</i>	Biến-dịch

Tạp ghi những từ-ngữ bàn góp trong các buổi họp đề duyệt

DANH - TỪ Y - HỌC

GS. LÊ-NGỌC-TRỤ

CÁI GHẺ dt. (Pháp: *Sarcopte de la gale*; tiếng khoa-học: *Sarcoptes* hay *Acarus Scabiei* : cái ghẻ) những ký-sinh-trùng bệnh ghẻ ngứa.

Cái là biên thể của tiếng *giái* (giới) là *ghẻ*. *Giái*, tiếng Trung-Hoa phát-âm là *kai*. Tiếng Hán-Việt *giái* (giới 疥) chuyển ra tiếng Việt được hai từ :

1. — *Ghẻ*, danh-từ chung để gọi các loại ghẻ
2. — *Cái*, *cái (ghẻ)*, riêng dùng chỉ các ký-sinh-trùng của ghẻ-ngứa.

MỤN BÃ ĐẬU dt. (Pháp, *acné sébacé*) loại mụn bọc có mũ đặc, mũ trắng đục giống như chất bã đậu, vì vậy mới gọi là *mụn bã đậu*.

MỤT BÃ-ĐẬU dt. (Pháp, *abcès caséux*) nói về khi chích thuốc, lõi chích thịt, thường khi chỗ bị làm độc, có mũ trắng-trắng như chất *bã-đậu*.

DỒI - TRƯỜNG, NỒI - TRƯỜNG dt. Nhưn Bác-Sĩ Trần-
Ngọc-Ninh nói đến *iléon* (ileum) gọi là *hồi - trường* 迴腸 tột

nhớ đến cái *nội-trường*. Và giáo-sư Phạm-Hoàng-Hộ cho biết cũng nghe gọi là *dồi-trường*: cái tử cung heo Tra Đại-Nam Quốc - Âm-tự vị của P. Cửa: *nồi-trường*: cái *bàn-trường* (trong bụng heo cái).

Tra trong *Việt-Nam từ-điển* của Lê-Văn-Đức này ghi, *nồi-trường*, *nội-trường*. *Nội-trường*: tử cung heo. Nhưng tra Từ-Hải Trung-Văn Đại từ-điển không có từ-ngữ *nội-trường* (內腸) và *bàn-trường* (盤腸); tiếc rằng tôi không có Y-học từ-điển để tra, dám mong sự chỉ-giáo của Quý Vị Y-Sĩ Đông-Y.

Nhơn dịp này, tôi tìm hỏi một người Việt gốc Hoa bán thịt heo, thì Ông cũng cho biết không hiểu tại sao người Việt gọi là, *nồi-trường* hoặc *dồi-trường*, mấy bà hỏi mua tôi biết mà bán, chớ còn tiếng Quảng-Đông gọi là *xáng-trường* (生腸 sinh-trường; sinh: sinh-sản) tức là tử-cung heo.

Nhơn nói về từ-ngữ *duodenum*, từ điển Y-Học Trung-Hoa dịch là *thập nhị chỉ trường* 十二指腸. Gọi như thế vì đoạn ruột non ấy dài bằng mười hai (12) ngón tay khít nhau. Bác-Sĩ Cát cho biết *duodenum* cũng gọi là *tá-chỉ-trường* hoặc *tá-trường* cho gọn [tá là số-từ, chỉ một chục mười hai. Tiếng một tá là biên-trại tiếng đả, của từ-ngữ đả thần 打臣, phiên-âm tiếng *dozen* của Anh-ngữ, vì người Trung-Hoa (giọng Quảng-Đông) đọc, tá thành, *ta-zen* theo giọng quan-thoại]

Về *Jejunum*, quyển Nouveau Dictionnaire Francais Chinois (Mô-phạm Pháp-Hoa từ-điển) của Cán-Xương-Thuận ghi là *đệ-nhị tiêu trường* 第二小腸, nhưng theo Bác-sĩ Cát, nên dịch là *không-trường* 空腸, gọi như thế, vì đoạn ruột non ấy

không có (không) chứa phần (cút); tra lại quyển *Tối-tân Y-Dược đại từ-điền* (A new Chinese-English - Latin medical dictionary của Hà - Thượng - Vũ, cũng thấy ghi : không - trường 空腸

★ Ủy-Ban đồng ý đề nhất-trí lỗi đặt danh-từ dùng các từ-ngữ sau đây để dịch các tiếp-vĩ-ngữ Pháp.

- | | |
|-----------------|-------------------------|
| 1) — Gel | -giao |
| Hydrogel | thủy giao |
| Colloïde | chất giao-trạng |
| 2) — Sol | -dung |
| Solution | dung-dịch |
| Solvant | dung-môi |
| Aérosol | Khí-dung |
| Hydrosol | thủy-dung |
| 3) Gène | -sinh |
| Fibrinogène | sinh -fibrin |
| Afibrinogénémie | khiếm-sinh-fibrin-huyết |

AFFRONTEMENT sự đấu mép được chọn thay sự giáp mép

AFFUSION sự rưới nước, sự tưới nước, nhưng được chấp-thuận là sự xối nước; tưới nước để dịch tiếng arroser.

Sau khi xét những tiếng đồng-nghĩa rưới, tưới, giọt, xối, tạt . . .

Rưới (nước) dt. Cho ria nước xuống nhẹ nhẹ và rải-rải, rưới chút nước cho vừa ướt, (in - ít nước).

Tưới (nước) dt. Cho ria nhiều nước xuống để làm cho ướt : *tưới cây, tưới rau*. Nước đổ xuống phải có vật gì cho nước rĩa ra để khỏi trôi đất (nhiều nước).

Giội dt (Bắc) đổ nước nhiều từ trên xuống. (Nam) đổ nước nhiều từ trên xuống, dùng nước tạt mạnh cho trôi vật gì : *xách nước gội cầu (tiêu)*.

Tạt dt. Đổ nước theo một chiều nào đó, thường là chiều ngang; *hát nước*.

Xối dt (Bắc). Đổ nước từ trên xuống ; gội nước mạnh. (Nam). Đổ nước từ trên xuống, nhẹ hơn *giội* : *xối nước tắm*.

Xối-xả, khi dùng nhiều nước : *mưa xối xả*.

Tóm lại, *affusion* *xối nước* (Bắc)

★ Ủy-Ban đồng ý :

Affection	chứng bệnh
Complication	biên-chứng
Evolution	biên-chuyển
Maladie	bệnh
Séquelle	di-chứng
Signe	biểu-chứng
Symptôme	triệu-chứng
Syndrome	hội-chứng
-ite	viêm
-pathie	bệnh
-ose	bệnh hư-biến, bệnh

-ome

bướu

-sarcome

bướu nhọc

AGALACTIE. Chứng không sữa

AGÉNITALISME. Trạng-thái vô-sinh-thực

AGNOSO-APRAXIE. Có hai nghĩa :

- 1) Chứng thất nhận-thức vật-dụng
- 2) Chứng thất nhận-thức vận-dụng

Riêng về *âge mental* tuổi trí-tuệ, có cuộc hội-thảo khá lâu.

Giáo-sư Ngô-Văn-Phát nhận-xét : trí đối với ngu (kẻ trí người

ngu) dịch *âge mental* bằng tuổi trí nghe ngắn-ngắn, nên lựa từ-ngữ

khác hơn là tuổi trí-tuệ (huệ) là trí sáng-suốt ; sinh ra đã có tính

sáng-láng hơn người gọi là tuệ căn. Theo nhà Phật, tuệ (huệ) có nghĩa

cao-siêu, chỉ người có trí sáng-láng chứng minh được Phật-pháp ; người

có con mắt soi tỏ cả quá khứ, hiện-tại, vị-lai gọi là tuệ nhân. Vậy

Giáo-sư Phát đề-nghị một tiếng thông-dụng trong Nam là trí-hóa.

Giáo-sư Trụ tiếp lời nói hóa của trí-hóa không phải là trở thành

(như hợp-thức-hóa) mà là một tiếng phụ thêm cho êm tai, như nói quý

hóa là quý vậy. Giáo-sư cho rằng tuổi trí-tuệ dịch nơi *âge mental* đã

được chấp nhận ở giới trung-học từ lâu.

Bác-si Cát thì không chua từ-ngữ trí-hóa vì không biết tiếng này ở miền Nam.

Giáo-sư Dương có nhắc *mental* chứ không phải *intelligent* và ở trong *mental* có thể là khôn, mà cũng có thể là ngu, còn *intelligence*

mới là trí khôn thông-minh.

Giáo-sư Thái cũng cho rằng nếu dịch được gọn là tuổi trí thì

rất đúng, nhưng ngân-ngũn quá. Giáo-sư Dương đề-nghị nên dịch trí-năng, tuồi trí-năng.

Sau khi trao đổi ý-kiến. Ủy-ban hiện-diện đồng ý giữ tuồi trí-tuệ (huệ) nhưng cho bậc thứ :

Tuồi trí-năng, tuồi trí-hóa, tuồi trí-tuệ (huệ).